|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG  **HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 117/KH-LTT | *Thượng Yên Công, ngày 09 tháng 10 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. Mục đích tự đánh giá**

1. Xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

2. Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

**II. Phạm vi tự dánh giá**

Nhà trường triển khai hoạt động tự đánh giá (TĐG) được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**III. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ TĐG là tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TTBGDĐT và các tài liệu hướng dẫn.

**IV. Hội đồng tự đánh giá**

**1. Thành phần Hội đồng TĐG**

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 116/QĐ-LTT ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng trường THCS Lý Tự Trọng, Hội đồng gồm có 13 thành viên *(Danh sách kèm theo).*

**2. Nhóm thư ký và các nhóm công tác.**

       \* Nhóm thư ký

| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Lưu Thị Quỳnh | Thư ký HĐ trường | Trưởng nhóm Thư ký |
| 2 | Nguyễn Thị Hải | Tổ trưởng tổ Xã hội | Ủy viên |
| 3 | Nguyễn Thị Bích Hạnh | Tổ trưởng tổ Tự nhiên | Ủy viên |

\* Các nhóm công tác

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm 1 | Nguyễn Thị Hải (NT) | Tổ trưởng tổ Xã hội |  |
| Nguyễn Thị Tình | Giáo viên |
| Đoàn Thị Hà Xuyên | Bí thư Đoàn thanh niên |
| Vũ Thị Thủy | Giáo viên |
| Nguyễn Thị Mai Thương | Giáo viên |
| Nhóm 2 | Nguyễn Thị Bích Hạnh (NT) | Tổ trưởng tổ Tự nhiên |  |
| Hoàng Thị Hương | Giáo viên |
| Đỗ Phương Anh | Giáo viên |
| Trần Thị Thêu | Giáo viên |
| Nhóm 3 | Trương Thị Hải (NT) | Tổ trưởng tổ Văn phòng |  |
| Dương Thị Hà | Giáo viên |
| Nguyễn Thị Yến | Giáo viên |
| Lý Thị Thơ | Giáo viên |
| Nhóm 4 | Lưu Thị Quỳnh (NT) | Thư ký HĐ trường |  |
| Phạm Thị Dịu | Tổ phó tổ Xã hội |
| Nhóm 5 | Đoàn Thị Xuân (NT) | Chủ tịch Công đoàn |  |
| Trịnh Thị Tuyết | Tổng phụ trách |
| Vũ Thị Hoa Tươi | Giáo viên |
| Lê Thị Mai | Giáo viên |

**3. Phân công thực hiện nhiệm vụ**

a) Nhiệm vụ cụ thể nhóm thư ký

- Nghiên cứu Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

- Hoàn thiện Phiếu đánh giá tiêu chí và Báo cáo tự đánh giá theo quy định.

b) Nhiệm vụ cụ thể các nhóm công tác

- Nghiên cứu Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

- Nghiên cứu, phân tích nội hàm của tiêu chí, chỉ báo và các minh chứng được sử dụng để viết các nội dung theo quy định trong Phiếu đánh giá tiêu chí.

- Thảo luận các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí để chỉnh sửa, bổ sung.

- Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng TĐG, nhóm công tác hoàn thiện Phiếu đánh giá tiêu chí và gửi nhóm thư ký Hội đồng TĐG.

**- Cụ thể:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Nhóm, cá nhân chịu trách nhiệm** | **Ghi chú**  **(Tiêu chuẩn)** |
| 1 | 01 đến 10 | Nhóm công tác chuyên trách số 01 (Cá nhân theo danh sách) | 1 |
| 2 | 01 đến 04 | Nhóm công tác chuyên trách số 02 (Cá nhân theo danh sách) | 2 |
| 3 | 01 đến 06 | Nhóm công tác chuyên trách số 03 (Cá nhân theo danh sách) | 3 |
| 4 | 01 đến 02 | Nhóm công tác chuyên trách số 04 (Cá nhân theo danh sách) | 4 |
| 5 | 01 đến 06 | Nhóm công tác chuyên trách số 05 (Cá nhân theo danh sách) | 5 |

\* Vũ Ngọc Đại - Phó hiệu trưởng: Phụ trách chung, tổng hợp, hoàn thiện báo cáo.

**V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá**

1. Thời gian: ngày 14/10/2019.

2. Thành phần: Hội đồng Tự đánh giá, nhóm Thư ký, các nhóm chuyên trách và tất cả cán bộ - giáo viên – nhân viên của trường.

3. Nội dung:

Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Công cụ TĐG trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp họcban hành kèm theoThông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và các tài liệu hướng dẫn.

\* Tập huấn nghiệp vụ TĐG cho hội đồng tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường (Vũ Ngọc Đại);

**VI. Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động***.*

**1. Đối với Mức 1, Mức 2 và Mức 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Tiêu chí** | **Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp** | **Thời điểm huy động** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiêu chí 1 đến 10 | - Viết phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 2/2021🡪 3/2021 | Mức 2 |
| 2 | Tiêu chí 1 đến 4 | - Viết phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 2/2021🡪 3/2021 | Mức 2 |
| 3 | Tiêu chí 1 đến 6 | - Viết phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 2/2021🡪 3/2021 | Mức 2 |
| 4 | Tiêu chí 1 đến 2 | - Viết phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng. | 2/2021🡪 3/2021 | Mức 2 |
| 5 | Tiêu chí 1 đến 6 | - Viết phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 2/2021🡪 3/2021 | Mức 2 |

**2. Đối với Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **(Khoản 1 đến khoản 6 Điều 22)** | **Các loại nguồn lực cần được huy động/ cung cấp** | **Thời điểm huy động** | **Ghi chú** |
| Khoản 1 | …. |  |  |
| Khoản 2 | …. |  |  |
| Khoản 3 | …. |  |  |
| Khoản 4 | …. |  |  |
| Khoản 5 | …. |  |  |
| Khoản 6 | …. |  |  |

**\* Dự kiến các minh chứng cần thu thập**

1. Phân tích tiêu chí, tìm minh chứng

Nhóm công tác, cá nhân được phân công thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

2. Dự kiến các minh chứng cần thu thập

Bảng Dự kiến các minh chứng cần thu thập được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để ở phần phụ lục của Kế hoạch)

a) Đối với Mức 1, Mức 2 và Mức 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Dự kiến các minh chứng cần thu thập** | **Nơi thu thập** | **Nhóm công tác, cá nhân thu thập** | **Dự kiến chi phí (nếu có)** | **Ghi chú** |
| Tiêu chuẩn 1 | Do nhóm 1 quyết định căn cứ kết quả rà soát của nhóm | BGH, VT, HV | Nhóm 1 |  |  |
| Tiêu chuẩn 2 | Do nhóm 2 quyết định căn cứ kết quả rà soát của nhóm | BGH, VT, HV | Nhóm 2 |  |  |
| Tiêu chuẩn 3 | Do nhóm 3 quyết định căn cứ kết quả rà soát của nhóm | BGH, VT, HV | Nhóm 3 |  |  |
| Tiêu chuẩn 4 | Do nhóm 4 quyết định căn cứ kết quả rà soát của nhóm | BGH, VT, HV | Nhóm 4 |  |  |
| Tiêu chuẩn 5 | Do nhóm 5 quyết định căn cứ kết quả rà soát của nhóm | BGH, VT, HV | Nhóm 5 |  |  |

b) Đối với Mức 4

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **(Khoản... Điều 22)** | **Dự kiến các minh chứng cần thu thập** | **Nơi thu thập** | **Nhóm công tác, cá nhân thu thập** | **Dự kiến chi phí (nếu có)** | **Ghi chú** |
| ... |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**VII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp hội đồng triển khai TĐG**(nếu cần)

Xác định các lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

**VIII. Lập Bảng danh mục mã minh chứng**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và sau đó để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

**IX. Thời gian và nội dung hoạt động**

| **Thời gian** | **Nội dung các hoạt động** |
| --- | --- |
| Tháng 9/2019 | 1. Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG  2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG.  3. Họp Hội đồng TĐG để:  - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;  - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;  - Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng TĐG triển khai hoạt động TĐG (nếu có);  - Dự thảo và ban hành Kế hoạch TĐG.  4. Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan. |
| Tháng 10/2019 | 1. Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan.  2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí. |
| Tháng 11,12/2019 | 1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện:  - Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí;  - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.  2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.  3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí. |
| Tháng 1/2020 | Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 5). |
| Tháng 2/2020 | Họp hội đồng TĐG để:  - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có);  - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG;  - Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng);  - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có);  - Dự thảo báo cáo TĐG. |
| Tháng 3/2020 | Họp Hội đồng TĐG để:  - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan (nếu có);  - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG;  - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung;  - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường;  - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG;  - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý;  - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có). |
| Tháng 4/2020 | 1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành.  2. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động TĐG cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến.  3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có).  4. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).  5. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định. |
| Tháng 5/2020 | 1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.  2. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký ĐGN với cơ quan có thẩm quyền. |

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng TĐG:**

Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, xây dựng và triển khai kế hoạch TĐG theo đúng hướng dẫn, đảm bảo thời gian theo quy định; cử cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn do PGD&ĐT tổ chức; tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị và tổ chức thực hiện TĐG, báo cáo PGD&ĐT theo quy định.

**2. Các thành viên Hội đồng TĐG** và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị thực hiện kế hoạch TĐG theo nhiệm vụ cụ thể được giao.

Trên đây là Kế hoạch TĐG của Hội đồng TĐG trường THCS Lý Tự Trọng năm học 2019-2020, yêu cầu các thành viên Hội đồng TĐG và các cá nhân liên quan căn cứ kế hoạch, triển khai thực hiện nghiêm túc./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT;  - Hội đồng TĐG;  - Lưu: Hồ sơ KĐCL. | **TM. HỘI ĐỒNG**  **CHỦ TỊCH**  **Phạm Thu Huyền** |

**Phụ lục 2: Dự kiến các minh chứng cần thu thập**

1. Phân tích tiêu chí, tìm minh chứng
2. Dự kiến các minh chứng cần thu thập

*2.1. Đạt tiêu chuẩn cấp độ 1* ( từ điều 7 đến điều 11 của thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 )

Tiêu chuẩn 1: có 10 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 2: có  4 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: có  6 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 4: có  2 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: có  6 tiêu chí.

Mỗi tiêu chí có 3 chỉ số. Tổng cộng có 28 tiêu chí và 84 chỉ số.

*2.2. Đạt tiêu chuẩn cấp độ 2 và 3*. Trong đó lưu ý:

  Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tiêu chí 1.5: Lớp học

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở có không quá 40 (bốn mươi) học sinh,

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

*2.3. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh*

1. Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

2. Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

a) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên và có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

3. Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định; Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Học sinh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

*2.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học*

1. Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

a) Khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

2. Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn, có đủ các thiết bị dạy học  theo quy định; Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

3. Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính-quản trị;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị. Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

4. Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Tiêu chí 3.5: Thiết bị

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa. Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tiêu chí 3.6: Thư viện

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

*2.4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội*

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

*2.5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục*

1. Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

2. Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

4. Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

5. Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

6. Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường: Đạt ít nhất 10%.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở),

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở)

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở),

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Không quá 1%  bỏ học, không quá 2%  lưu ban;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Tiêu chí** | **Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp** | **Thời điểm huy động** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiêu chí 1 đến 10 | - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 15/10/2020🡪 15/11/2020 | Mức 2 |
| 2 | Tiêu chí 1 đến 4 | - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 16/11/2020🡪 30/11/2020 | Mức 2 |
| 3 | Tiêu chí 1 đến 6 | - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 1/12/2020🡪 15/12/2020 | Mức 2 |
| 4 | Tiêu chí 1 đến 2 | - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng. | 16/12/2020🡪 30/12/2020 | Mức 2 |
| 5 | Tiêu chí 1 đến 6 | - Thu thập minh chứng  - Sắp xếp, mã hóa minh chứng | 2/1/2021🡪 15/1/2021 | Mức 2 |

Tháng 5/2021 bổ sung, hoàn thiện minh chứng năm học 2020-2021.

**\* Thu thập minh chứng**

2016-2017;

2017-2018;

2018-2019;

2019-2020;

2020-2021

**\* Thu thập minh chứng để cả bản cứng, mềm**

**\* Bảng mã minh chứng:** Mỗi nhóm có 1 bản của tiêu chuẩn phụ trách; kèm bảng mã đầy đủ dùng chung (Bảng mã mã hóa lại khi có sự trùng lặp).

\* Yêu cầu khi thu thập minh chứng từ các bộ phận yêu cầu sắp xếp theo thư tự, và có bảng kê cụ thể.

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm 1 | Nguyễn Thị Hải (NT) | Báo cáo, phiếu đánh giá TC |  |
| Nguyễn Thị Tình | TC 12 | Tiêu chuẩn 1:  10 tiêu chí |
| Đoàn Thị Hà Xuyên | TC 34 |
| Nguyễn Thị Hồng Ninh | TC 56 |
| Trịnh Thị Thanh | TC 78 |
| Vũ Thị Thủy- | TC 910 |  |
| Nhóm 2 | Nguyễn Thị Bích Hạnh (NT) | Báo cáo, phiếu đánh giá TC |  |
| Đỗ Thùy Linh | TC 12 |  |
| Trần Thị Thêu | TC 34 |
| Nhóm 3 | Trương Thị Hải (NT) | Báo cáo, phiếu đánh giá TC |  |
| Dương Thị Hà | TC 12 | Tiêu chuẩn 3:  6 tiêu chí |
| Vũ Thị Hoa Tươi | TC 34 |
| Lý Thị Thơ | TC 56 |
| Nhóm 4 | Lưu Thị Quỳnh (NT) | Báo cáo, phiếu đánh giá TC | Tiêu chuẩn 4:  2 tiêu chí |
| Phạm Thị Dịu | TC 12 |
| Nhóm 5 | Đoàn Thị Xuân (NT) | Báo cáo, phiếu đánh giá TC | Tiêu chuẩn 5:  6 tiêu chí |
| Nguyễn Thị Yến | TC 12 |
| Lê Thị Mai | TC 34 |
| Trịnh Thị Tuyết | TC 56 |